

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 54/2019/TLST- DS ngày 15 tháng 4 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07** (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

*Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần X.

Trụ sở: Số xx LH, phường LH, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô chí D. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần X.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Tuấn A. Chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm pháp luật ngân hàng, SME và cá nhân Ngân hàng thương mại cổ phần

X (Theo Văn bản ủy quyền số 03/2020/UQ-HĐQT ngày 02/3/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị).

Người đại diện tham gia tố tụng theo uỷ quyền: Ông Cao Duy T – Trưởng bộ phận xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần X AMC; Ông Nguyễn Đăng L; Ông Phạm Văn T – Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần X AMC (Theo Văn bản ủy quyền số 698/2020/UQ-VPB ngày 06/3/2020).

*Bị đơn:*

1. Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1972.
2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973.

Cùng có hộ khẩu thường trú: Xóm x, thôn NC, xã VN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Hoàng Văn T là: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; Hộ khẩu thường trú: Xóm x, thôn NC, xã VN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội (Có lời khai uỷ quyền).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1993.
2. Chị Hoàng Thu H, sinh năm 1993.
3. Cháu Hoàng Thu Nn, sinh năm 2012 (con anh L, chị H).
4. Cháu Hoàng V, sinh năm 2015 (con anh L, chị H).
5. Anh Hoàng Văn S, sinh năm 2006 (con ông T, bà L).

Cùng có hộ khẩu thường trú và nơi ở: Xóm x, thôn NC, xã VN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của các cháu N và V là bố mẹ đẻ của các cháu: Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1993; Chị Hoàng Thu H, sinh năm 1993; Cùng có hộ khẩu thường trú và nơi ở: Xóm x, thôn NC, xã VN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của anh S là bố mẹ đẻ của anh: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1972; Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; Cùng có hộ khẩu thường trú: Xóm x, thôn NC, xã VN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị Hoàng Thu H là: Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1993; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Xóm x, thôn NC, xã VN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

## **2/ Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị L vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần X theo Hợp đồng tín dụng số 3798111 ngày 13/7/2015 và các văn bản

khác đã ký kết, cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 690.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: 120 tháng (Bằng chữ: *Một trăm hai mươi tháng*);
- Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng mua sắm nội thất, trang thiết bị gia đình;
- Lãi suất tại thời điểm giải ngân là: 7,99%/năm, điều chỉnh 03 tháng /lần;

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 1; tờ bản đồ số: 35; địa chỉ: Thôn NC, xã VN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất*” số: BR 50xxxx, số vào sổ cấp GCN: 1371.QĐ – UBND.2014/CH.00119.2014 do UBND huyện ĐA cấp ngày 02/6/2014 đứng tên ông Hoàng Văn T. Tài sản bảo đảm đã thế chấp cho VPBank theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 2602/2015, Quyền số: 03-2015 do Văn phòng công chứng KĐ chứng nhận ngày 03/7/2015. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền vay cho ông T, bà L nhưng khi thực hiện trả nợ ông bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần X.

Tính đến hết ngày 11/6/2020, tổng số tiền ông T, bà L còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần X là: 429.896.791 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm hai mươi chín triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn, bảy trăm chín mươi một đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 401.282.901 đồng.
- Nợ lãi: 28.613.890 đồng.

Ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng số tiền ông bà còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 3798111 ngày 13/7/2015, tính đến hết ngày 11/6/2020 là: 429.896.791 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm hai mươi chín triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn, bảy trăm chín mươi một đồng) và tiếp tục chịu lãi theo lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3798111 ngày 13/7/2015 trên số nợ gốc kể từ ngày 12/6/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ với Ngân hàng thương mại cổ phần X.

Ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm thanh toán khoản nợ nói trên theo lộ trình trả nợ cụ thể như sau:

- Ngày 25/7/2020, ông T, bà L có trách nhiệm thanh toán số tiền là

50.000.000 đồng cho Ngân hàng thương mại cổ phần X và số tiền này được trừ vào nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 3798111 ngày 13/7/2015.

- Ngày 25/8/2020, ông T, bà L có trách nhiệm thanh toán số tiền là 50.000.000 đồng cho Ngân hàng thương mại cổ phần X và số tiền này được trừ vào nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 3798111 ngày 13/7/2015.

- Ngày 25/9/2020, ông T, bà L có trách nhiệm tất toán toàn bộ số tiền còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần X theo Hợp đồng tín dụng số 3798111 ngày 13/7/2015.

Kể từ thời điểm có thỏa thuận này, nếu ông T, bà L nộp tiền thanh toán khoản nợ với Ngân hàng thì số tiền ông bà nộp vào sẽ được ưu tiên trừ vào nợ gốc.

Trong toàn bộ quá trình thực hiện lộ trình trả nợ nêu trên nếu ông T, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại bất kỳ thời điểm nào của lộ trình thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 1; tờ bản đồ số: 35; địa chỉ: Thôn NC, xã VN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất*” số: BR 50xxxx, sổ vào sổ cấp GCN: 1371.QĐ – UBND.2014/CH.00119.2014 do UBND huyện ĐA cấp ngày 02/6/2014 đứng tên ông Hoàng Văn T. Tài sản bảo đảm đã thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần X theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 2602/2015, Quyền số: 03-2015 do Văn phòng công chứng KĐ chứng nhận ngày 03/7/2015 để thu hồi toàn bộ khoản nợ của ông T, bà L tại Ngân hàng. Việc xử lý tài sản để thu hồi nợ thực hiện theo quy định chung của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: 21.195.871 đồng (Hai mươi một triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, tám trăm bảy mươi một đồng) nhưng do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên chỉ phải chịu  $1/2 = 10.597.935$  đồng (Mười triệu, năm trăm chín mươi bảy nghìn, chín trăm ba mươi lăm đồng) tiền án phí. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự để ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị L chịu án phí dân sự sơ thẩm. Như vậy, ông Túc, bà Lan phải nộp 10.597.935 đồng (Mười triệu, năm trăm chín mươi bảy nghìn, chín trăm ba mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền 11.163.000 đồng (Mười một triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/001xxxx ngày 31/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

***Nguyễn Thị Thu Thanh***